

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN C Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2024.

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Ngân;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 552/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Đức D, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-11-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày: Chị và anh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh vào năm 2022. Từ khi bắt đầu kết hôn vợ chồng chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân anh D vẫn qua lại với vợ cũ, có thời gian về chung sống cùng vợ cũ. Ngoài ra, anh D thường xuyên chơi cờ bạc, nhiều lần chị phải trả nợ thay có lần chị phải trả số nợ 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng

cho anh D. Tháng 02-2023 chị đã nộp đơn ra Toà án để ly hôn nhưng anh D năn nỉ xin chị rút đơn về. Chị và anh D đã ly thân từ ngày 30-10-2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh Trịnh Đức D đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh D không đến Tòa làm việc cũng không có văn bản ý kiến trình bày về vụ kiện.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Trịnh Đức D.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trịnh Đức D cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” và Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 nhưng vắng mặt

không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh vào năm 2022. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị T trình bày từ khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D vẫn qua lại với vợ cũ, chơi cờ bạc gây nợ nần cho gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30-10-2023 cho đến nay. Tháng 02-2023 chị T đã làm đơn ly hôn anh D ra Tòa án, đã rút đơn khởi kiện Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã đình chỉ vụ án theo Quyết định đình chỉ số 44/223/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2023. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này cho thấy anh D không có biểu hiện, động thái tích cực và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị T hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh D không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác anh D không có ý kiến đối với các vấn đề này nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T về việc “Ly hôn” đối với anh Trịnh Đức D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Trịnh Đức D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008553 ngày 21-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- UBND xã T, Thị xã H;
- Đương sự;
- Lầu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Liên